

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN QSD ĐẤT, QSH NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

(Kèm theo Tờ trình số: 475 /TT-VPĐKĐĐ, ngày 6 / 7 / 2022 của Văn phòng Đăng ký đất đai)

Đơn vị kiểm tra: Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Kon Tum

Đơn vị thực hiện: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Kon Tum.

STT	Chủ sử dụng đất	Số phát hành GCN	Ngày cấp GCN	Vị trí đất	Số thửa	Số tờ bản đồ	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng
1	Bùi Thị Nhã Trúc	BD 228457	11/26/2010	Quyết Thắng	112	13	118,35	ODT
2	Hộ ông Bùi Ngọc Lâm	AB 120013	2/4/2005	Thắng Lợi	48	62	1475,5	ODT
3	Nguyễn Đức Trí và Nguyễn Thị Hoa	CE 524929	1/12/2017	Thắng Lợi	7	72	636	ODT
4	Y Tra	BT 268134	8/18/2014	Đăk Rơ Wa	149	18	2292,5	HNK
5	A Hêh và Y Phiuch	DD 977697	3/18/2022	Hòa Bình	171+175	15	2719,9+1082,8	HNK
6	Đỗ Văn Nhân và Nguyễn Thị Kiều Giang	DD 815607	11/26/2021	Ngọc Bay	314	19	478,9	HNK
7	Chung và Gyum	AI 512079	7/5/2007	Đăk Rơ Wa	131	6	656,4	ONT-HNK
8	Nguyễn Ngọc Hiếu	CQ 919431	5/4/2019	Lê Lợi	78	16	345,5	HNK
9	Nhưn	BK 037473	6/27/2014	Ngọc Bay	36	2	1016	HNK
10	Nguyễn Hóa và Lê Thị Phụng	3601040101	2/27/2003	Thông Nhất	11	02	202,50	
11	Lê Quang Thành và	AC 919457	12/26/2005	Thắng Lợi	22	76	629	ODT-NNK
12	Phan Thị Xuân Trang	DD 977887	4/12/2022	Chư Hreng	805	7	480,7	ONT
13	Phạm Thị Bốn	DA 764820	7/13/2021	Thắng Lợi	242	53	943	NNK
14	Hộ ông A Gok	T 956538	11/12/2001	Đoàn Kết	10	3	1191	T-Vườn
15	Nguyễn Duy Khang và Bùi Thị Ngân	BK 011570	8/30/2013	Nguyễn Trãi	26	37	985	Đất ở-HNK
16	A Túc	M 212248	2/6/1999	Thông Nhất	26	25	1311	TC-KTV
17	Phạm Văn Tâm và Lê Thị Phụng	DD 231397	3/29/2022	Chư Hreng	442	13	1017,3	ONT-HNK
18	A Gíp	T 929339	10/18/2001	Hòa Bình	18	2	5015	T-Vườn
19	Nguyễn Minh và Nguyễn Thị Thu Anh	X 269893	9/11/2003	Thắng Lợi	10	74	1878	TC-KTV

STT	Chủ sử dụng đất	Số phát hành GCN	Ngày cấp GCN	Vị trí đất	Số thửa	Số tờ bản đồ	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng
20	Đoàn Tuấn và Vũ Thị Hồng	AC 919333	10/17/2005	Thắng Lợi	04	69	220,8	ODT-NNK
21	Nguyễn Tiến Dũng và Hoàng Thanh Ngân	DD 231591	4/7/2022	Hòa Bình	756	32	507,4	ONT-HNK
22	Lương Công Phô và Lê Thị Tiền	DĐ 886095	5/24/2022	Ngọc Bay	147	30	297,1	ONT
23	Lưu Văn Hương và	DD 815756	12/3/2021	Ngọc Bay	148	30	152,5	ONT
24	Lương Công Phô và Lê Thị Tiền	DĐ 886097	5/24/2022	Ngọc Bay	145	30	309,7	ONT
25	Lưu Văn Hương và Nguyễn Thị Hoa	DD 815757	12/3/2021	Ngọc Bay	142	30	82,3	ONT
26	Thân Thị Kim Phiến	BX 290577	7/17/2015	Ngô Mây	78	55	1780,8	HNK
27	Hộ ông Lê Đình Trai và Nguyễn Thị Lan	AI 525186	3/12/2007	Quyết Thắng	186	9	202.6	ODT
28	Nguyễn Thị Diễm My	DD 231047	3/17/2022	Hòa Bình	836	33	411,6	HNK
29	Đặng Thị Mỹ Lệ	BX 290576	7/17/2015	Ngô Mây	79	55	825,2	HNK
30	Lương Công Phô và Lê Thị Tiền	DD 464765	1/20/2022	Ngọc Bay	143	30	163,4	ONT
31	Nguyễn Minh Hùng-Trần Thị Hà Nguyên	AC 880817	1/9/2005	Thống Nhất	4	13	197.6	ODT+NHK
32	A Bam-Y Nhèo	CC 230345	21/6/2016	Hòa Bình	183	41	2464	ONT+HNK
33	Huỳnh Thị Thủy	BA 258824	2/2/2010	Đăk Rơ Wa	109	6	4892.3	HNK
34	Châu Ngọc Toàn	AP 973176	6/8/2009	Đăk Cấm	375	5	1308.8	ONT+HNK
35	Nguyễn Thạch Sanh-Thái Thị Ngọc Hồng	BR 184909	15/8/2014	Thắng Lợi	3	70	444.3	ODT
36	Nguyễn Đạo-Lê Thị Lài	DD 815114	8/12/2021	Hòa Bình	781	33	670.9	HNK
37	Huỳnh Kim Hùng-Thái Thị Ngọc Cẩm	CP 829090	27/12/2018	Duy Tân	70+80+12 1	11	4972	HNK
38	Đào Thế Hào	K 068569	18/12/1997	Vinh Quang	28	8	10915	CLN
39	A Wun	DD 977360	14/01/2022	Thắng Lợi	115	93	152	HNK
40	Lê Thị Xuân Thu	DA 744739	8/10/2021	Thắng Lợi	117	93	286.3	HNK

STT	Chủ sử dụng đất	Số phát hành GCN	Ngày cấp GCN	Vị trí đất	Số thửa	Số tờ bản đồ	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng
41	Hộ Y Dzeoh	DD 238775	22/4/2022	Hòa Bình	593	32	3519.2	ONT+HNK
42	Phan Thị Khánh Trang	CV 485701	12/3/2020	Duy Tân	209	49	226.5	ODT+HNK

Ngày tháng năm 2022

Người kiểm tra

Ngày tháng năm 2022

VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

Đỗ Thị Hồng Phương